TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 129/2023/DS–ST
Ngày: 20-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Văn Chương;
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

-*Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2023/QĐST- HPT ngày 30-8-2023, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S
Địa chỉ trụ sở: đường N, phường P, quận M, Thành phố H.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạnh D, chức vụ: T
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Qu, chức vụ: GĐ: Ngân hàng TMCP S chi nhánh B (vắng mặt).
(Theo Quyết định ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26-12-2022)
Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Châu Ngọc Kiều H – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro-Ngân hàng TMCP S chi nhánh B (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: số A đường L, phường K, thành phố V, tỉnh B
(Theo Giấy ủy quyền số 379/2023/GUQ-CNBRVT ngày 10-7-2023)
Bị đơn: Ông Trần Hoàng Ph, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường A, phường N, thành phố V, tỉnh B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S bà Châu Ngọc Kiều H trình bày:

Ngày 30-8-2019, ông Trần Hoàng Ph và Ngân hàng TMCP S có ký hợp

đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng gọi chung là hợp đồng) số thẻ 472074-8933, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.77%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Ph đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.795.300 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ, ông Ph đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 21.280.000 đồng. Số tiền này, ông Ph thanh toán theo thứ tự như sau: thanh toán phí phí hoặc lãi của kỳ trước là 9.200.319 đồng, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước là 12.079.681 đồng. Sau khi trừ hết các số tiền trên thì số tiền gốc ông Ph chưa thanh toán là 7.292.378 đồng.

Qua nhiều lần ngân hàng ra thông báo nhắc nợ nhưng ông Ph không thực hiện thanh toán cho ngân hàng. Vì vậy, từ ngày 22-12-2022, ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng), áp dụng lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 20-9-2023, ông Ph còn nợ ngân hàng 10.035.498 đồng trong đó nợ gốc là 7.292.378 đồng, lãi quá hạn là 2.743.120 đồng

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Syêu cầu ông Trần Hoàng Ph thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 20-9-2023 tổng số tiền là 10.035.498 đồng trong đó nợ gốc là 7.292.378 đồng, lãi quá hạn là 2.743.120 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nêu trên kể từ ngày 21-9-2023 cho đến khi ông Ph thanh toán hết số tiền nợ.

Nguyên đơn xác nhận đây là khoản nợ của cá nhân ông Ph, nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình ông Ph có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ trên. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Trần Hoàng Ph vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vì vậy, tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Trần Hoàng Ph trả nợ theo hợp đồng đã giao kết. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Hoàng Ph có địa chỉ thường trú tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa

Đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn bà Châu Ngọc Kiều H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà H.

Bị đơn ông Trần Hoàng Ph vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Đối với số tiền gốc: Lời khai của đại diện nguyên đơn cấp hạn mức tín dụng ông Ph là 10.000.000 đồng hoàn toàn phù hợp với chứng cứ nguyên đơn cung cấp là (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng gọi chung là hợp đồng) và các tài liệu, chứng cứ khác nguyên đơn cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận việc nguyên đơn có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ cho bị đơn với hạn mức 10.000.000 đồng là hoàn toàn có thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ph đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.795.300 đồng.Từ ngày kích hoạt thẻ, ông Ph đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 21.280.000 đồng. Số tiền này được áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng theo thứ tự ưu tiên là phí lãi trước giao dịch sau. Cụ thể số tiền 21.280.000 đồng được trừ vào thanh toán phí phí hoặc lãi của kỳ trước là 9.200.319 đồng, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước là 12.079.681đồng. Sau khi trừ hết các số tiền trên thì số tiền gốc ông Phương chưa thanh toán 7.292.378 đồng.

Tính đến ngày 20-9-2023, ông Ph còn nợ ngân hàng 10.035.498 đồng trong đó nợ gốc là 7.292.378 đồng, lãi quá hạn là 2.743.120 đồng. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu ông Ph trả số tiền nợ gốc 7.292.378 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Đối với số tiền lãi: Ông Ph đã vi phạm thời hạn trả nợ nên phải chịu lãi suất, tính đến ngày 20-9-2023 số tiền lãi quá hạn là 2.743.120 đồng nên buộc ông Phương trả số tiền lãi nêu trên và tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký, từ ngày 21-9-2023 cho đến khi trả hết nợ.

Từ những căn cứ và phân tích như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Hoàng Ph phải

thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 10.035.498 đồng trong đó nợ gốc là 7.292.378 đồng, lãi quá hạn là 2.743.120 đồng và tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký, từ ngày 21-9-2023 cho đến khi trả hết nợ.

[3]. Án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Trần Hoàng Ph.

[1]. Buộc ông Trần Hoàng Ph phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-9-2023) với tổng số tiền là 10.035.498 đồng trong đó nợ gốc là 7.292.378 đồng, lãi quá hạn là 2.743.120 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21-9-2023) cho đến khi trả hết nợ, ông Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 30-8-2019 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng được ký giữa Ngân hàng TMCP S và ông Trần Hoàng Ph.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Hoàng Ph phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 501.775 đồng (năm trăm lẻ một ngàn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ đồng (ba trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000679 ngày 13-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. V;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngát

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Chương **Nguyễn Văn Hải** **Bùi Thị Ngát**